

Chuyên đề 2

**PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT
VÀ VAI TRÒ PHƯƠNG PHÁP
LUẬN TRONG NGHIÊN CỨU
KINH TẾ**

I- PHÉP BIỆN CHỨNG VÀ PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT.

1- Biện chứng và các hình thức của phép biện chứng.

1.1. Biện chứng.

- Biện chứng là gì?
- Biện chứng khách quan?
- Biện chứng chủ quan?

1.2. Các hình thức của phép biện chứng.

- Phép biện chứng mộc mạc, chất phác ở thời kỳ cổ đại (Hy Lạp, La mã, Ấn độ, Trung hoa)
- Phép biện chứng duy tâm của Hê ghen- nhà TH cổ điển Đức.
- Phép biện chứng duy vật của triết học Mác-Lênin.

2- Phép biện chứng duy vật.

2.1. Khái niệm : Ăng ghen khẳng định phép biện chứng duy vật “là khoa học về mối liên hệ phổ biến”

Phép biện chứng duy vật chẳng qua chỉ là môn khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động và sự phát triển của tự nhiên của xã hội

loài người và của tư duy”.

Lê nin tiếp tục khẳng định, phép biện chứng duy vật “là học thuyết về sự phát triển dưới hình thức hoàn bị nhất, sâu sắc nhất và không phiến diện nhất”.

II- NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT VỀ MỐI LIÊN HỆ PHỔ BIẾN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN.

1- Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến.

Mọi sự vật, hiện tượng của thế giới hiện thực

tồn tại như thế nào?

+Quan điểm siêu hình :

+Quan điểm của phép biện chứng duy vật:

-Mọi s.v,h.t đều tồn tại trong mối liên hệ phổ biến, chúng nương tựa, ràng buộc, quy định lẫn nhau.

-Tính phổ biến của mối liên hệ biểu hiện ở chỗ:

.Bất kỳ s.v,h.t nào cũng đều có mối liên hệ với các s.v, h.t khác. (Vì sao?).

.Trong bản thân s.v,h.t, các yếu tố, các bộ phận của nó cũng quan hệ biện chứng với nhau.

.Các giai đoạn trong quá trình vận động, phát triển của s.v,h.t cũng quan hệ b/chứng với nhau. Hiện tại là kết quả của quá khứ và là xu

Mối liên hệ lại khác nhau: có mối l/hệ bên trong, có mối l/hệ bên ngoài, trực tiếp-gián tiếp, chủ yếu-thứ yếu, bản chất-không bản chất...

Như vậy, trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn phải có quan điểm toàn diện.

Quan điểm toàn diện:

.xem xét s.v, h.t phải trong mối liên hệ phổ biến (mối hệ giữa nó với các s.v, h.t khác, giữa các yếu tố các bộ phận, giữa các giai đoạn ph/triển...).

.từ các mối l/hệ đó phải phát hiện được mối l/hệ bản chất, bên trong, có tính quyết định đến sự tồn tại, vận động, phát triển của nó, làm cho hoạt động của con người có trọng tâm, trọng

Thuật nguy biện và chủ nghĩa chiết trung.

- Vì sao trong hiện thực con người không thể hiểu biết đầy đủ, chính xác, các mối l/hệ của các s.v, h.t trong thế giới hiện thực được?
- Hiểu biết càng đầy đủ, chính xác bao nhiêu càng đỡ mắc sai lầm bấy nhiêu .

2. Nguyên lý về sự phát triển.

+ Khái niệm phát triển.

- Là quá trình vận động từ thấp lên cao, từ chưa hoàn thiện đến ngày càng hoàn thiện hơn.
- Dường như lặp lại cái cũ nhưng trên cơ sở cao hơn.
- Phát triển bao hàm cả sự thay đổi về chất.

+phát triển là khuynh hướng chung của mọi s.v,h.t.

Mọi s.v,h.t khi đang tồn tại là nó thì trong bản thân nó đã xuất hiện những tiền đề, mầm mống, khuynh hướng của cái mới mà trong những đ/kện nhất định sẽ biến thành cái mới. Quá trình thay thế liên tục diễn ra giữa các s.v,h.t đã tạo thành quá trình v/động ph/triển của th/giới vật chất.

-Vì ph/triển là khuynh hướng chung chi phối mọi s.v,h.t do đó trong nhận thức và hoạt động T.T phải có quan điểm P.T.

-Quan điểm P.T: Xem xét s.v,h.t trong quá trình vận động, ph/triển không ngừng, phát hiện cái tương lai trong cái hiện tại, tìm thấy những tiền đề mầm mống

Khuyh hướng của cái mới đang nảy sinh ở trong cái cũ và phải đấu tranh cho cái mới ra đời, thay thế cái cũ.

Thái độ đối với cái mới là tiêu chuẩn để đánh giá người cách mạng hay là bảo thủ.

Người cách mạng luôn luôn ủng hộ cái mới, tích cực đấu tranh cho cái mới ra đời.

Người bảo thủ tìm cách duy trì, bảo vệ cái cũ đã lỗi thời, ngăn cản, kìm hãm cái mới, cái tiến bộ.

3.Quan điểm lịch sử-cụ thể.

+Cơ sở lý luận: Mọi sv.ht của th/giới hiện thực đều tồn tại trong những đ/k, kh/gian và th/gian

nhất định của th/giới vật chất.

Đ/k, kh/gian và th/gian của th/giới vật chất chi phối mối liên hệ và sự phát triển của mọi sv,ht.

Cùng một sv,ht, nếu tồn tại trong những đ/k, kh/gian, th/gian khác nhau của thế giới vật chất thì mối liên hệ và sự phát triển của nó cũng khác nhau.

Do đó, để nhận thức đúng đắn sự vật, hiện tượng, ngoài quan điểm toàn diện, quan điểm phát triển, còn đòi hỏi phải có quan điểm lịch sử-cụ thể.

+Quan điểm lịch sử-cụ thể: khi nghiên cứu, xem xét sự vật, hiện tượng phải gắn liền với điều kiện, không gian và thời gian của thế giới vật chất mà nó tồn tại.

III.CÁC CẤP PHẠM TRÙ CƠ BẢN

Phạm trù là gì?

Phạm trù triết học và phạm trù các môn khoa học cụ thể

1. Phạm trù cái chung và cái riêng.

+Khái niệm cái chung và cái riêng.

-Cái chung là phạm trù triết học dùng để chỉ những thuộc tính, những tính chất tồn tại trong nhiều s.v,h.t quá trình của th/giới vật chất.

Ví dụ: nhà máy, nhà trường, cái cầu, cái bàn , con người...

-Cái riêng là ph/trù tr/học dùng để chỉ từng s.v, từng h,t, từng quá trình cụ thể của thế giới vật chất.